

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN**

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC KHÓA 2017 VÀO CAO ĐẲNG KHÓA 2018**  
**NHẬN HỌC BỔNG "HỌC TẬP TỐT - RÈN LUYỆN TỐT" NĂM HỌC 2020 - 2021**

(Kèm theo quyết định số: 34/QĐ-DSG-TĐKT ngày 01 tháng 3 năm 2022  
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
<b>I. Loại Giỏi</b>							
1	DH31700128	Nguyễn Hoàng	Cường	D17_DDT01	8,07	92	
2	DH31703170	Dương Chí	Chiến	D17_DDT03	8,17	92	
3	DH31703510	Nguyễn Hữu Gia	Hung	D17_DDT03	8,06	87	
4	DH31700438	Phạm Thị Kim	Ngọc	D17_DDT03	8,17	85	
5	DH31703840	Nguyễn Tấn	Nhàn	D17_DDT03	8,23	88	
6	DH31704014	Ngô Thanh	Quốc	D17_DDT03	8,09	87	
7	DH31701759	Võ Thanh	Trà	D17_DDT03	8,13	92	
8	DH31702298	Đỗ Trung	Thắng	D17_DDT04	8,11	81	
9	DH41704444	Lê Thái	Tuấn	D17_VT01	8,91	81	
10	DH91704030	Trần Nữ Diễm	Quỳnh	D17_TK2TT	8,04	83	
11	DH91701072	Đặng Quang	Hiếu	D17_TK3DH	8,33	86	
12	DH91702157	Lê Anh	Tài	D17_TK3DH	8,50	84	
13	DH91700719	Hà Minh	Tường	D17_TK3DH	8,49	90	
14	DH91703594	Trần Thị Mỹ	Lệ	D17_TK4NT	8,47	89	
15	CD51806355	Trần Minh	Hòa	C18_TH01	8,42	86	
16	DH51700402	Trần Quốc	Hùng	D17_TH01	8,54	95	
17	DH51701044	Trần Ngọc	Thiên	D17_TH01	8,40	95	
18	DH51700788	Lê Xuân	Hậu	D17_TH02	8,30	83	
19	DH51701452	Nguyễn Đức	Huy	D17_TH05	8,04	85	
20	DH51701323	Ngô Lâm Quang	Tín	D17_TH05	8,30	90	
21	DH51703173	Nguyễn Ngọc	Chinh	D17_TH07	8,71	93	
22	DH51703468	Phạm Minh	Hùng	D17_TH07	8,31	88	
23	DH51703617	Phan Hoàng	Lộc	D17_TH09	8,26	81	
24	DH71703650	Phạm Thị Ngọc	Linh	D17_KD02	8,17	90	
25	DH71704947	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	D17_KD02	8,03	90	
26	DH71704225	Lê Thị Ngọc	Thu	D17_KD02	8,34	83	
27	DH71704191	Bùi Thị Thanh	Thảo	D17_KD03	8,20	80	
28	DH71703903	Lê Phùng Hoàng	Như	D17_MAR01	8,06	86	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
29	DH71703991	Lê Vũ Ngọc	Phuong	D17_MAR01	8,90	90	
30	DH71705008	Nguyễn Thị	Luu	D17_MAR03	8,07	85	
31	DH71703222	Trần Thị Kiều	Dung	D17_MAR04	8,46	81	
32	DH71704321	Đỗ Cao Thanh	Trà	D17_MAR04	8,29	81	
33	DH71704987	Lê Thị Bích	Loan	D17_TC01	8,00	83	
34	DH71703330	Lê Thị Lam	Giang	D17_TC02	8,15	85	
35	DH71703497	Đỗ Ngọc	Huyền	D17_TC02	8,40	85	
36	DH71704825	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D17_TC02	8,22	85	
37	DH71703794	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D17_TC02	8,30	85	
38	DH71703900	Đinh Thị Quỳnh	Như	D17_TC02	8,02	84	
39	DH71703926	Lâm Tấn	Phát	D17_TC02	8,42	85	
40	DH71704818	Trần Quyên Chung Chí	ý	D17_TC02	8,13	85	
41	DH81701183	Nguyễn Toàn Kim	Huy	D17_XD01	8,25	84	
42	DH81705254	Phạm Ngọc Thanh	Nguyên	D17_XD02	8,11	90	
43	DH81701048	Lê Văn	Phát	D17_XD02	8,54	90	
44	DH81700186	Vi Tuấn	Sang	D17_XD02	8,03	85	
45	DH81701191	Châu Hoàng	Duy	D17_XD04	8,02	90	
46	DH81701532	Lý Trường	Son	D17_XD04	8,00	83	
47	DH81704473	Nguyễn Mạnh	Tuyền	D17_XD04	8,15	88	
<b>II. Loại Khá</b>							
1	CD11802256	Cao Hữu	Huy	C18_CDT01	7,19	82	
2	CD11801110	Bùi Tấn	Quý	C18_CDT01	7,47	82	
3	DH11701220	Phùng Nguyễn Công	Danh	D17_CDT01	7,09	76	
4	DH11700698	Trần Công	Ninh	D17_CDT01	7,54	81	
5	DH11700861	Phan Phong	Phú	D17_CDT01	7,07	79	
6	DH11701078	Đặng Hoàn	Phúc	D17_CDT01	7,23	76	
7	DH11700862	Phan Phú	Quý	D17_CDT01	7,27	90	
8	DH11703019	Lê Anh	Huy	D17_CDT02	7,02	74	
9	DH11701714	Trần Tuấn	Huy	D17_CDT02	7,03	76	
10	DH11703538	Trần Minh	Khang	D17_CDT02	7,66	81	
11	DH11703545	Nguyễn Văn	Khánh	D17_CDT02	7,76	78	
12	DH11704317	Trần Huy	Toàn	D17_CDT02	7,15	75	
13	DH11703201	Nguyễn Quốc	Cường	D17_CDT03	7,00	76	
14	DH11703660	Dương Phi	Long	D17_CDT03	7,80	95	
15	DH11704060	Huỳnh Thanh	Sao	D17_CDT03	7,20	78	
16	DH11704361	Nguyễn Mạnh	Trí	D17_CDT03	7,19	69	
17	DH11704814	Hồ Thanh	Đạt	D17_CDT04	7,47	85	
18	DH11703881	Phạm Minh	Nhật	D17_CDT04	7,24	79	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
19	DH11702990	Lê Đình	Tường	D17_CDT04	7,27	75	
20	CD31803381	Nguyễn Thành	Duyên	C18_DDT01	8,41	74	
21	CD31804031	Phạm Quang	Tường	C18_DDT01	7,13	75	
22	DH31701525	Lê Đại Trường	An	D17_DDT01	7,62	78	
23	DH31700424	Lê Thành	Đại	D17_DDT01	7,90	81	
24	DH31701053	Nguyễn Hồng	Đức	D17_DDT01	7,24	85	
25	DH31701290	Đường Anh	Duy	D17_DDT01	7,39	83	
26	DH31700447	Lê Văn	Giàu	D17_DDT01	7,43	81	
27	DH31701555	Nguyễn Phước	Khang	D17_DDT01	7,48	85	
28	DH31700130	Trần Văn	Nghĩa	D17_DDT01	7,67	83	
29	DH31700023	Giang Mẫn	Phong	D17_DDT01	7,13	85	
30	DH31700545	Nguyễn Thạch	Phú	D17_DDT01	7,46	85	
31	DH31701586	Huỳnh Nguyễn Tuấn	Sang	D17_DDT01	8,64	78	
32	DH31703058	Huỳnh Phúc	An	D17_DDT02	7,31	71	
33	DH31702498	Phạm Phan Quốc	Bảo	D17_DDT02	7,11	69	
34	DH31701446	Hồ Bửu	Điền	D17_DDT02	7,99	80	
35	DH31702316	Trần Quốc	Huy	D17_DDT02	7,52	78	
36	DH31702703	Phạm Huỳnh	Khánh	D17_DDT02	7,17	86	
37	DH31701456	Huỳnh Tấn	Sỹ	D17_DDT02	7,75	79	
38	DH31702887	Nguyễn Nhật	Tân	D17_DDT02	7,27	81	
39	DH31702250	Đặng Minh	Toàn	D17_DDT02	7,24	70	
40	DH31702296	Nguyễn Phan Hiếu	Trọng	D17_DDT02	7,42	94	
41	DH31700094	Nguyễn Quý Thiên	Bằng	D17_DDT03	7,58	88	
42	DH31703283	Nguyễn Quốc	Đặng	D17_DDT03	7,32	84	
43	DH31703261	Lê Thị Mỹ	Duyên	D17_DDT03	7,46	90	
44	DH31703393	Lê Việt	Hiếu	D17_DDT03	7,67	77	
45	DH31703464	Bạch Phi	Hùng	D17_DDT03	7,35	71	
46	DH31702923	Trần Ngọc	Hữu	D17_DDT03	7,44	88	
47	DH31703023	Nguyễn Minh	Khánh	D17_DDT03	7,19	95	
48	DH31703543	Nguyễn Quốc	Khánh	D17_DDT03	7,72	89	
49	DH31703684	Nguyễn Hoàng	Luân	D17_DDT03	7,46	83	
50	DH31703687	Nguyễn Thành	Luân	D17_DDT03	7,51	85	
51	DH31703935	Võ Minh	Phát	D17_DDT03	7,26	90	
52	DH31702132	Đặng Chí	Phong	D17_DDT03	7,05	76	
53	DH31704082	Trương Ngọc	Sơn	D17_DDT03	7,48	85	
54	DH31702824	Đỗ Quốc	Tính	D17_DDT03	7,03	79	
55	DH31702765	Phan Thanh	Toàn	D17_DDT03	7,81	75	
56	DH31704413	Đặng Quang	Trường	D17_DDT03	7,77	71	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
57	DH31703061	Nguyễn Phước	An	D17_DDT04	7,37	76	
58	DH31703298	Vũ Văn	Đức	D17_DDT04	7,45	78	
59	DH31703642	Nguyễn Ngọc	Linh	D17_DDT04	7,53	85	
60	DH31700846	Nguyễn Văn	Long	D17_DDT04	7,38	73	
61	DH31703887	Nguyễn Minh	Nhật	D17_DDT04	7,14	78	
62	DH31704852	Lương Duy Minh	Thái	D17_DDT04	7,62	83	
63	DH31704281	Trần Minh	Tiến	D17_DDT04	7,52	84	
64	DH31704296	Nguyễn Huỳnh Trọng	Tính	D17_DDT04	7,21	80	
65	DH31704390	Diệp Quốc	Trung	D17_DDT04	7,90	79	
66	DH31704863	Nguyễn Huỳnh Thanh	Tú	D17_DDT04	7,24	82	
67	DH31700131	Bùi Quốc Minh	Tuấn	D17_DDT04	7,90	84	
68	DH31702281	Dương Thành	Việt	D17_DDT04	7,77	85	
69	DH41702865	Lương Hoàng	Khương	D17_VT01	8,08	75	
70	DH41701167	Trần Huỳnh	Lâm	D17_VT01	7,13	70	
71	DH41702906	Nguyễn Văn	Lượng	D17_VT01	8,08	74	
72	DH41702864	Đoàn Thanh	Phong	D17_VT01	7,08	71	
73	DH41701311	Hồ Tuấn	Phong	D17_VT01	7,96	74	
74	DH41702804	Phan Thanh	Quy	D17_VT01	7,03	70	
75	DH41704978	Nguyễn Tấn	Trọng	D17_VT01	7,06	70	
76	DH41702673	Nguyễn Minh	Vương	D17_VT01	7,17	70	
77	DH91701559	Huỳnh Diệp Trúc	Hàn	D17_TK2TT	7,28	83	
78	DH91701756	Nguyễn Thị Thanh	Nga	D17_TK2TT	7,15	80	
79	DH91704216	Nguyễn Trí	Thông	D17_TK2TT	7,47	73	
80	DH91703197	Lâm Chí	Cường	D17_TK3DH	7,59	77	
81	DH91703446	Trần Hải	Hoàng	D17_TK3DH	7,44	80	
82	DH91704802	Huỳnh Quang	Huy	D17_TK3DH	7,81	75	
83	DH91703505	Võ Thanh	Huyền	D17_TK3DH	7,08	80	
84	DH91703724	Phan	Minh	D17_TK3DH	7,78	70	
85	DH91703791	Đặng Duy	Ngọc	D17_TK3DH	7,22	75	
86	DH91600025	Nguyễn Huỳnh Thế	Thanh	D17_TK3DH	7,70	78	
87	DH91704896	Võ Tấn	Thành	D17_TK3DH	7,09	80	
88	DH91702137	Phạm Hoàng	Thiện	D17_TK3DH	7,00	70	
89	DH91700017	Nông Ngọc Y	Trinh	D17_TK3DH	7,72	83	
90	DH91700587	Tô Quốc	Việt	D17_TK3DH	7,72	65	
91	DH91701133	Nguyễn Lam	Thảo	D17_TK4NT	8,05	79	
92	DH91702180	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	D17_TK4NT	7,99	75	
93	CD51509021	Nguyễn Minh	Châu	C18_TH01	7,37	80	
94	CD51804216	Phạm Trung Hoàng	Giang	C18_TH01	7,75	80	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
95	CD51801001	Trương Duy	Linh	C18_TH01	7,12	77	
96	CD51806203	Lê Thị Tú	Xương	C18_TH01	7,96	80	
97	DH51501994	Triệu Uy	Phú	D17_TH01	8,24	67	
98	DH51700160	Trịnh Phước	Tín	D17_TH01	7,73	95	
99	DH51700650	Đoàn Quang	Huy	D17_TH02	7,44	81	
100	DH51700502	Lại Minh	Khôi	D17_TH02	7,70	80	
101	DH51700660	Nguyễn Chí	Nghĩa	D17_TH02	7,24	69	
102	DH51700752	Lê Trung	Nhân	D17_TH02	7,29	70	
103	DH51700767	Nguyễn Kim	Son	D17_TH02	7,11	66	
104	DH51701042	Đặng Hoàng	Huy	D17_TH03	7,18	74	
105	DH51701002	Trịnh Gia	Lệ	D17_TH03	7,93	81	
106	DH51700024	Thiều Chí	Thiện	D17_TH03	7,87	87	
107	DH51700075	Đặng Hiền	Chí	D17_TH04	7,41	81	
108	DH51704991	Võ Hoàng	Kỳ	D17_TH04	7,70	85	
109	DH51701611	Nguyễn Huỳnh Minh	Tâm	D17_TH04	7,65	89	
110	DH51701609	Nguyễn Huỳnh Minh	Thơ	D17_TH04	7,89	89	
111	DH51700559	Nguyễn Hoàng	Toàn	D17_TH04	7,09	74	
112	DH51703065	Trần Thái	An	D17_TH05	7,13	83	
113	DH51704984	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D17_TH05	7,82	83	
114	DH51701831	Phạm Quốc	Tuấn	D17_TH05	7,48	78	
115	DH51702446	Trần Hoàng Anh	Dũng	D17_TH06	7,44	77	
116	DH51702501	Thái Tuấn	Nhà	D17_TH06	7,23	72	
117	DH51702630	Đình Tấn	Tài	D17_TH06	7,19	72	
118	DH51702718	Lê Văn	Hiếu	D17_TH07	7,71	76	
119	DH51703728	Vòng Quyên	Minh	D17_TH07	7,40	70	
120	DH51704523	Bạch Chân	Vĩ	D17_TH07	7,24	85	
121	DH51703353	Lý Nhật	Hào	D17_TH08	7,77	89	
122	DH51703846	Lê Trí	Nhân	D17_TH08	7,26	81	
123	DH51704095	Đoàn Văn Duy	Tâm	D17_TH08	7,33	83	
124	DH51703236	Lê	Duy	D17_TH09	7,14	79	
125	DH51703451	Tô Siêu	Huệ	D17_TH09	7,32	80	
126	DH51703553	Trương Duy	Khánh	D17_TH09	7,43	85	
127	DH51703609	Đỗ Hữu	Lộc	D17_TH09	7,49	80	
128	DH51704858	Phạm Trần Thanh	Thuận	D17_TH09	7,39	83	
129	DH51704265	Phan Nguyễn Hoài	Thương	D17_TH09	7,41	89	
130	DH51704391	Lê Huỳnh	Trung	D17_TH09	7,55	88	
131	DH51704846	Lê Hứa Thị	Tuyết	D17_TH09	7,12	83	
132	DH51704509	Trịnh Khải	Văn	D17_TH09	7,24	76	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
133	DH51705024	Nguyễn Phong	Linh	D17_TH10	7,42	70	
134	DH51704897	Nguyễn Hữu Tấn	Lộc	D17_TH10	7,99	89	
135	DH51701681	Nguyễn Văn	Trung	D17_TH10	7,03	76	
136	DH61701396	Lê Thị Ngọc	Tú	D17_TP02	7,03	78	
137	DH61703060	Nguyễn Mỹ Thu	An	D17_TP03	7,32	75	
138	DH61704989	Trần Phương	Giao	D17_TP03	7,81	90	
139	DH61703761	Hàng ái	Ngân	D17_TP03	7,13	75	
140	DH61702816	Lâm Mỹ	Ngọc	D17_TP03	7,27	72	
141	DH61703858	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	D17_TP03	7,58	75	
142	DH61704090	Nguyễn Minh	Tài	D17_TP03	7,45	80	
143	DH61702574	Lê Thị Anh	Thư	D17_TP03	7,49	72	
144	DH61702833	Trương Huỳnh Thị Mai	Trinh	D17_TP03	7,34	72	
145	DH61704470	Dương Thị	Tuyền	D17_TP03	7,18	72	
146	DH61704564	Nguyễn Thị Thảo	Xuyên	D17_TP03	7,48	82	
147	DH61703111	Nguyễn Hồng	Ân	D17_TP04	7,67	74	
148	DH61703082	Nguyễn Diệu	Anh	D17_TP04	7,49	75	
149	DH61704849	Hồng Bình	Phong	D17_TP04	7,06	69	
150	DH61704108	Tô Ngọc	Thê	D17_TP04	7,45	91	
151	DH61704428	Lâm Tinh	Tú	D17_TP04	7,44	81	
152	DH61700105	Huỳnh Hồng	Tươi	D17_TP04	7,30	78	
153	DH61702823	Đặng Trương Anh	Vũ	D17_TP04	7,24	95	
154	DH61704568	Hồ Như	ý	D17_TP04	7,49	80	
155	CD71806345	Nguyễn Thị	Nhớ	C18_KD01	7,33	80	
156	DH71600402	Lê Huỳnh	Đức	D17_KD01	7,10	73	
157	DH71701166	Phạm Thị	Huyền	D17_KD01	7,07	71	
158	DH71700240	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D17_KD01	7,01	76	
159	DH71700585	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	D17_KD01	7,45	80	
160	DH71700903	Trần Thảo	Vy	D17_KD01	7,04	78	
161	DH71703209	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	D17_KD02	7,50	78	
162	DH71705111	Tống Ngọc	Duyên	D17_KD02	7,74	84	
163	DH71703374	Trần Đình	Hải	D17_KD02	7,27	80	
164	DH71703454	Lê Ngọc Đức	Hậu	D17_KD02	7,97	83	
165	DH71703382	Lê Minh	Hiệp	D17_KD02	7,18	74	
166	DH71703443	Phạm Công	Hoàng	D17_KD02	7,06	69	
167	DH71703520	Huỳnh Lê Mỹ	Hương	D17_KD02	7,86	84	
168	DH71703759	Trần Nguyệt	Nga	D17_KD02	7,61	79	
169	DH71703832	Phùng Minh	Nguyên	D17_KD02	7,68	85	
170	DH71705061	Đoàn Thị Yến	Nhi	D17_KD02	7,71	83	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
171	DH71703867	Trần Lê Yên	Nhi	D17_KD02	7,58	82	
172	DH71704850	Luu Nguyễn Phú	Sĩ	D17_KD02	7,01	79	
173	DH71700554	Nguyễn Trần Tuấn	Thanh	D17_KD02	7,00	78	
174	DH71704284	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	D17_KD02	7,23	79	
175	DH71704374	Nguyễn Lê Phương	Trinh	D17_KD02	7,81	81	
176	DH71704522	Nguyễn Thị Thúy	Vi	D17_KD02	7,72	85	
177	DH71704557	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	D17_KD02	7,97	85	
178	DH71703217	Lê Thị Phương	Dung	D17_KD03	7,65	84	
179	DH71703224	Bùi Chí	Dũng	D17_KD03	7,71	84	
180	DH71701118	Phạm Thị Mai	Nhi	D17_KD03	7,02	83	
181	DH71704141	Trần Quốc	Thanh	D17_KD03	7,20	73	
182	DH71701938	La Thị Ngọc	Thảo	D17_KD03	7,11	93	
183	DH71704304	Lê Phước	Tĩnh	D17_KD03	7,43	73	
184	DH71701940	Đặng Võ Thùy	Trang	D17_KD03	7,68	85	
185	DH71700947	Lê Thị Thanh	Vy	D17_KD03	7,49	83	
186	DH71700183	Dương Đức	Công	D17_MAR01	7,28	83	
187	DH71700040	Nguyễn Phúc	Đạt	D17_MAR01	7,08	83	
188	DH71701040	Phạm Thị Thu	Hoa	D17_MAR01	7,02	82	
189	DH71704829	Trần Thị Thu	Huyền	D17_MAR01	7,41	78	
190	DH71701157	Nguyễn Nhật	Minh	D17_MAR01	7,54	79	
191	DH71704203	Phạm Ngọc Xuân	Thảo	D17_MAR01	7,82	78	
192	DH71704950	Võ Thị Thùy	Trâm	D17_MAR01	7,08	70	
193	DH71704848	Võ Thị Tuyết	Trang	D17_MAR01	7,18	70	
194	DH71702773	Lê Huỳnh Khánh	Vân	D17_MAR01	7,58	79	
195	DH71703636	Lê Nhật	Linh	D17_MAR02	7,52	92	
196	DH71701621	Bùi Thị	Lý	D17_MAR02	7,09	77	
197	DH71701979	Trần Ngọc	Mai	D17_MAR02	7,38	80	
198	DH71703774	Nguyễn Thị Bích	Ngân	D17_MAR02	7,09	78	
199	DH71701644	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	D17_MAR02	7,22	85	
200	DH71701159	Bùi Thị ý	Nhi	D17_MAR02	7,02	84	
201	DH71700389	Phan Lê Quỳnh	Như	D17_MAR02	7,39	78	
202	DH71701746	Bùi Tuấn	Tài	D17_MAR02	7,00	80	
203	DH71702166	Nguyễn Phan Thành	Tấn	D17_MAR02	7,27	83	
204	DH71700481	Trần Thị	Thảo	D17_MAR02	7,05	76	
205	DH71703153	Nguyễn Ngọc	Châu	D17_MAR03	7,59	79	
206	DH71703176	Nguyễn Văn	Chung	D17_MAR03	7,11	69	
207	DH71703275	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D17_MAR03	7,90	82	
208	DH71703342	Lê Hoàng Ngọc	Hà	D17_MAR03	7,55	78	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
209	DH71703367	La Chí Hải	D17_MAR03	7,17	78	
210	DH71703769	Lê Ngọc Kim Ngân	D17_MAR03	7,63	83	
211	DH71704832	Trần Thị Phương Ngân	D17_MAR03	7,43	76	
212	DH71704906	Lâm Như Quỳnh	D17_MAR03	7,41	78	
213	DH71702285	Lưu Minh Tâm	D17_MAR03	7,75	77	
214	DH71702085	Trần Ngọc Thành	D17_MAR03	7,49	76	
215	DH71704323	Võ Thị Phương Trà	D17_MAR03	7,66	78	
216	DH71704330	Ngô Thị Thùy Trang	D17_MAR03	7,79	83	
217	DH71704369	Châu Tuyết Trinh	D17_MAR03	7,29	77	
218	DH71704494	Huỳnh Tú Uyên	D17_MAR03	7,31	79	
219	DH71704504	Trịnh Hà Tú Uyên	D17_MAR03	7,02	71	
220	DH71703083	Nguyễn Hoàng Phương Anh	D17_MAR04	7,34	73	
221	DH71703207	Nguyễn Công Danh	D17_MAR04	7,03	95	
222	DH71703257	Cao Nguyễn Minh Duyên	D17_MAR04	7,63	75	
223	DH71703263	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	D17_MAR04	7,32	75	
224	DH71703343	Lê Thị Mỹ Hà	D17_MAR04	7,19	78	
225	DH71704872	Nguyễn Lê Xuân Hoa	D17_MAR04	7,59	75	
226	DH71703492	Trần Lương Gia Huy	D17_MAR04	7,70	80	
227	DH71703542	Nguyễn Dương Nhật Khánh	D17_MAR04	7,24	73	
228	DH71703737	Vy Thị Bích Mạo	D17_MAR04	7,38	80	
229	DH71703719	Nguyễn Cao Minh	D17_MAR04	7,05	78	
230	DH71703721	Nguyễn Tá Minh	D17_MAR04	7,33	78	
231	DH71703827	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	D17_MAR04	7,63	85	
232	DH71703869	Trần Thị Vân Nhi	D17_MAR04	7,62	75	
233	DH71705269	Nguyễn Thị Cẩm Như	D17_MAR04	7,23	73	
234	DH71703923	Châu Hữu Phát	D17_MAR04	7,55	75	
235	DH71703952	Võ Hoài Phong	D17_MAR04	7,57	73	
236	DH71704206	Sâm Thị Thanh Thảo	D17_MAR04	7,48	73	
237	DH71704209	Vũ Ngọc Thanh Thảo	D17_MAR04	7,04	78	
238	DH71704931	Đỗ Thị Minh Thư	D17_MAR04	7,55	75	
239	DH71704357	Phạm Hồng Bảo Trân	D17_MAR04	7,12	75	
240	DH71704382	Đặng Huỳnh Thanh Trúc	D17_MAR04	7,22	76	
241	DH71704386	Nguyễn Thùy Thanh Trúc	D17_MAR04	7,95	85	
242	DH71704410	Võ Hồ Thị Thanh Truyền	D17_MAR04	7,66	80	
243	DH71704474	Nguyễn Thị Bích Tuyền	D17_MAR04	7,62	80	
244	DH71704502	Phạm Thảo Uyên	D17_MAR04	7,53	80	
245	DH71704521	Nguyễn Thị Thúy Vi	D17_MAR04	7,20	73	
246	DH71700491	Nguyễn Tường Vi	D17_MAR04	7,55	75	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
247	DH71704982	Nguyễn Ngọc Xinh	D17_MAR04	7,07	78	
248	DH71700170	Quách Chí Bảo	D17_TC01	7,33	73	
249	DH71702586	Nguyễn Cao Tú Cẩm	D17_TC01	7,21	82	
250	DH71705276	Trần Chiền	D17_TC01	7,89	83	
251	DH71701528	Nguyễn Tấn Đạt	D17_TC01	7,81	81	
252	DH71702018	Nguyễn Thị Diễm	D17_TC01	7,53	73	
253	DH71702401	Nguyễn Thị Mụi Em	D17_TC01	7,60	73	
254	DH71700892	Nguyễn Ngọc Hằng	D17_TC01	7,35	72	
255	DH71702668	Trần Thị Mỹ Hạnh	D17_TC01	7,47	80	
256	DH71701029	Hoàng Thị Hiếu	D17_TC01	7,71	85	
257	DH71702528	Lê Thị Minh Khai	D17_TC01	7,29	78	
258	DH71703525	Lư Mỹ Kỳ	D17_TC01	7,35	83	
259	DH71702359	Võ Minh Năng	D17_TC01	7,05	88	
260	DH71702560	Trần Thị Tuyết Ngân	D17_TC01	7,35	73	
261	DH71700361	Trần Mỹ Ngọc	D17_TC01	7,82	79	
262	DH71701816	Lê Hữu Nhật	D17_TC01	7,98	83	
263	DH71704940	Lý Lâm Ngọc Oanh	D17_TC01	7,58	74	
264	DH71701376	Trương Vĩnh Phúc	D17_TC01	7,05	73	
265	DH71705216	Lê Thị Thủy	D17_TC01	7,54	98	
266	DH71704949	Tạ Quang Tiệp	D17_TC01	7,76	77	
267	DH71701786	Trần Thị Việt Trinh	D17_TC01	7,38	74	
268	DH71700651	Trương Thị Kim Tuyền	D17_TC01	7,18	75	
269	DH71704820	Huỳnh Thị Thu Vân	D17_TC01	7,16	72	
270	DH71704907	Trương Thị Thúy Vy	D17_TC01	7,51	75	
271	DH71701043	Nguyễn Thị Mỹ Xuân	D17_TC01	7,98	71	
272	DH71705262	Nguyễn Trường Đạt	D17_TC02	7,61	85	
273	DH71703225	Đỗ Tiến Dũng	D17_TC02	7,30	76	
274	DH71703258	Lữ Thanh Duyên	D17_TC02	7,63	76	
275	DH71703432	Thân Thị Nhớ Hoài	D17_TC02	7,43	79	
276	DH71701946	Nguyễn Thị Thanh Huyền	D17_TC02	7,33	77	
277	DH71703593	Võ Thúy Kiều	D17_TC02	7,64	81	
278	DH71703762	Hồng Thị Kim Ngân	D17_TC02	7,71	78	
279	DH71704900	Lê Hoàng Thu Ngân	D17_TC02	7,68	78	
280	DH71703802	Công Phương Nghi	D17_TC02	7,52	75	
281	DH71704811	Châu Bội Ngọc	D17_TC02	7,29	80	
282	DH71703828	Nguyễn Thị Lan Nguyên	D17_TC02	7,47	84	
283	DH71701954	Lê Thị Huỳnh Như	D17_TC02	7,01	77	
284	DH71704019	Lý Nhơn Qui	D17_TC02	7,98	81	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập	Điểm TB rèn luyện	Ghi chú
285	DH71702543	Phạm Thị Kim Quy	D17_TC02	7,36	80	
286	DH71704068	Lê Tấn Sơn	D17_TC02	7,71	85	
287	DH71704093	Nguyễn Thị Tâm	D17_TC02	7,45	85	
288	DH71704311	Lê Thanh Toàn	D17_TC02	7,33	83	
289	DH71704337	Tạ Thu Trang	D17_TC02	7,93	80	
290	DH71704503	Tiền Thị Thu Uyên	D17_TC02	7,05	70	
291	DH71704815	Dương Nhã Văn	D17_TC02	7,55	77	
292	DH71704551	Bùi Khánh Vy	D17_TC02	7,93	85	
293	DH71704563	Lê Thị Tiểu Xâm	D17_TC02	7,57	85	
294	DH71704571	Đặng Thị Hải Yến	D17_TC02	7,76	82	
295	DH81705195	Hồ Nhật Tân	D17_XD01	7,54	82	
296	DH81700451	Trần Quốc Trung	D17_XD01	7,20	90	
297	DH81702615	Huỳnh Nguyễn Hoàng Duy	D17_XD02	7,14	85	
298	DH81703824	Lâm Võ Phúc Nguyên	D17_XD02	7,84	85	
299	DH81703975	Lê Tấn Phước	D17_XD02	7,44	80	
300	DH81702786	Đoàn Văn Tâm	D17_XD02	7,08	77	
301	DH81701031	Lê Nguyễn Thanh Trinh	D17_XD02	7,47	100	
302	DH81701959	Nguyễn Văn Vũ	D17_XD02	7,42	98	
303	DH81702277	Nguyễn Thị Kim Phượng	D17_XD03	7,50	81	
304	DH81703811	Lê Trọng Nghĩa	D17_XD04	7,32	88	
305	DH81703814	Nguyễn Hoàng Trung Nghĩa	D17_XD04	7,10	84	
306	DH81704123	Nguyễn Văn Thái	D17_XD04	7,79	83	